TÍCH HỢP GIÁO DỤC VỀ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG CHƯƠNG TRÌNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: *Quyền con người là quyền tự nhiên, vốn có và khách quan của con người, luôn cần được nhận thức đúng đắn và coi trọng để xây dựng một xã hội nhân văn và tiến bộ. Bình đẳng giới là một quyền quan trọng trong nhân quyền và xã hội cần đấu tranh để tiến tới sự bình đẳng giới thực chất trong xã hội. Việc tích hợp giáo dục nhân quyền thông qua cung cấp các kiến thức lịch sử gồm những sự kiện liên quan đến hoạt động đấu tranh về bình đẳng giới vào đầu thế kỷ XX trong môn học Lịch sử Việt Nam cận đại cho sinh viên sư phạm Lịch sử là cần thiết vi giáo dục quyền con người là một hoạt động có mục đích đem đến nhận thức về quyền con người để từ đó tự bảo vệ quyền của mình và biết tôn trọng quyền của người khác. Giáo dục về bình đẳng giới thông qua kết nối kiến thức lịch sử từ thế kỷ XX với các sự kiện thực tiễn của xã hội thế kỷ XXI khi học kiến thức chuyên ngành cho sinh viên Lịch sử tại trường đại học đại học Thủ đô Hà Nội là một vấn đề cần quan tâm và vận dụng.*
Từ khóa: *Bình đẳng giới, kiến thức chuyên ngành, Quyền con người, sư phạm lịch sử, tích hợp giáo dục.*

Nhận bài ngày 25.12.2024; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 20.02.2025
Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Thanh Thủy; email: thanhthuy@daihocthudo.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục quyền con người là một hoạt động có mục đích đem đến nhận thức về nhân quyền để con người tự bảo vệ quyền của mình và biết tôn trọng quyền của người khác. Trong khối kiến thức chuyên ngành của chương trình sư phạm lịch sử, môn học *Lịch sử Việt Nam cận đại* có nhiều nội dung kiến thức có thể tích hợp việc giáo dục quyền con người cho sinh viên. Nội dung tích hợp chính là giáo dục về quyền con người thông qua các kiến thức về phong trào Nữ quyền, đấu tranh cho bình đẳng giới tại xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX, các phong trào đòi tự do dân chủ trong nội dung kiến thức của môn học Lịch sử Việt Nam cận đại. Về phong trào Nữ quyền và các phong trào đòi tự do dân chủ những năm đầu thế kỷ XX- một biểu hiện của đấu tranh vì nhân quyền đã được nhiều nhà sử học quan tâm nghiên cứu. Đã có một số công trình tiêu biểu như: "Vấn đề phụ nữ trên báo chí tiếng Việt trước năm 1945" của tác giả Đặng Thị Vân Chi- Nhà xuất bản Khoa học xã hội năm 2008, *"Lịch sử cuộc vận động vì các quyền dân sinh dân chủ ở Việt Nam (1936-1939)"* của tác giả Phạm Hồng Tung – Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia năm 2008, *Phụ nữ Tân Văn, phấn son tô điểm sơn hà* của tác giả Thiết Mộc Lan, Nhà xuất bản Văn hóa Sài Gòn năm 2010.

Trên cơ sở nghiên cứu khối kiến thức chuyên ngành Lịch sử mà Môn học Lịch sử Việt Nam cận đại là môn học chuyên ngành quan trọng thuộc môn học bắt buộc, tác giả đã quan tâm lựa chọn để tích hợp giáo dục quyền con người vào những nội dung kiến thức của Lịch sử Việt Nam đầu thế kỷ XX gồm các phong trào đấu tranh dân chủ mà có rất nhiều các cuộc đấu tranh vì nhân quyền mà tiêu biểu là phong trào Nữ quyền đầu thế kỷ XX, phong trào đòi tự do dân chủ nửa đầu thế kỷ XX và bài học lịch sử của phong trào đó trong thời hiện đại. Đây là những nội dung mà tác giả quan tâm để có thể tích hợp giáo dục quyền con người vào các môn học chuyên ngành Lịch sử.

2. NỘI DUNG

2.1. Khái niệm nhân quyền và một số nội dung cơ bản về nhân quyền

Quyền con người là những quyền tự nhiên, vốn có và khách quan của con người được ghi nhận và bảo vệ trong pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế. *"Trong khoa học pháp lý, các quyền con người được hiểu đó là những quyền mà pháp luật cần phải thừa nhận đối với tất cả các thể nhân. Đó là quyền tối thiểu mà các cá nhân phải có, những quyền mà các nhà lập pháp không được xâm hại"* [1, tr.26].

Trong Tuyên ngôn độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng khẳng định quyền con người cần được tôn trọng khi đã trích lại những lời trong Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ đó là: "*Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc"*[2, tr.1].

Với ý nghĩa thiêng liêng của quyền con người đã được xác nhận, các Hiến pháp trong tiến trình lịch sử Việt Nam từ khi giành được độc lập năm 1945 đến nay đều coi nhân quyền là một nội dung quan trọng. Trong Hiến pháp Việt Nam năm 2013, các quyền con người được xác định tại Chương II và được chia thành các nhóm khác nhau như:

Nhóm các quyền con người về dân sự, chính trị gồm các nội dung cơ bản như: Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật trong đó có người Việt Nam ở nước ngoài; Mọi người có quyền sống, thân thể và tính mạng, danh dự và nhân phẩm được pháp luật bảo hộ. Mỗi người đều có quyền tự do cá nhân như tự do cư trú, có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và gia đình, có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo

Nhóm các quyền con người về kinh tế, xã hội và văn hóa như: Quyền sở hữu tư nhân và quyền thừa kế được pháp luật bảo hộ. Quyền tự do kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật không cấm, quyền của người làm công ăn lương được pháp luật hộ. Nam, nữ có quyền kết hôn, ly hôn, hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau. Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình, bảo hộ quyền lợi của người mẹ và trẻ em.

Trên cơ sở quyền bình đẳng là quyền thiêng liêng của con người, được ghi trong Hiến pháp, Luật Bình đẳng giới được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2006 và có hiệu lực ngày 01/7/2007 với mục tiêu bình đẳng giới là xoá bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong xã hội và và tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ.

Cùng với *Luật Hôn nhân và Gia đình* trên cơ sở bình đẳng giới, *Luật phòng, chống bạo lực gia đình* cũng là một căn cứ pháp lý quan trọng cho việc thúc đẩy bình đẳng giới nói chung và bình đẳng giới trong gia đình nói riêng, bảo vệ phụ nữ và trẻ em luôn có nhiều nguy cơ bị tổn thương trước những hành vi bạo lực gia đình.

Tóm lại, những quyền con người được quan tâm giáo dục sâu sắc và tôn trọng sẽ khiến cho mỗi người hiểu được quyền của mình và tôn trọng quyền của người khác, cùng xây dựng một xã hội nhân bản và văn minh.

2.2. Kiến thức về phong trào đấu tranh bình đẳng giới – một nội dung của quyền con người ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX

Trong môn học:*"Lịch sử Việt Nam cận đại" (1858 -1945),* các phong trào vận động xã hội nhằm đấu tranh vì độc lập dân tộc và dân chủ trong xã hội là nội dung quan trọng, kéo dài từ trong nửa đầu thế kỷ XX. Cuộc vận động nữ quyền ở Việt Nam đầu thế kỷ XX dựa trên vai trò thực tế của phụ nữ trong cuộc sống gia đình và xã hội suốt chiều dài lịch sử Việt Nam đã kết tinh thành giá trị văn hoá *"trọng mẫu",* coi phụ nữ là nội tướng, tôn trọng và thừa nhận địa vị quan trọng của phụ nữ khiến cho *"nữ quyền"* trở thành một vấn đề quan trọng trong cuộc vận động giải phóng con người và giải phóng xã hội ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX. Đây cũng là một nội dung kiến thức quan trọng của môn học *Lịch sử Việt Nam cận đại (1858 -1945).*

Việc đấu tranh cho quyền bình đẳng giới không chỉ là của riêng phái nữ mà nó còn có ý nghĩa phản đối cả một mô hình xã hội gia trưởng độc đoán, trọng nam khinh nữ, thay đổi quan niệm của

giới đàn ông và cao hơn nữa là cách nhìn của toàn xã hội đối với phụ nữ. Sau tờ báo *Nữ giới chung*[1] ra đời với tư cách là tờ báo phụ nữ đầu tiên trong lịch sử báo chí Việt Nam và chủ bút của báo là Sương Nguyệt Anh[2] đã cất lên tiếng nói của phụ nữ và những vấn đề của phụ nữ là sự xuất hiện của tờ báo có tên gọi *Phụ nữ Tân văn* xuất bản vào năm 1929 mà người sáng lập là bà Cao Thị Khanh[3]. Tờ *"Phụ nữ Tân Văn"* đưa ra tôn chỉ khẳng định về nữ quyền và vai trò của người phụ nữ trong xã hội với tuyên ngôn:*"Phấn son tô điểm sơn hà*, *Làm cho rõ mặt đàn bà nước Nam"* [3, tr.25].

Phụ nữ Tân Văn đã tiến hành trưng cầu ý kiến trên diễn đàn báo chí với các nhân vật có tên tuổi trong xã hội đối với vấn đề phụ nữ như Trần Trọng Kim, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Bội Châu, Bùi Quang Chiêu, như Đạm Phương nữ sử, Huỳnh Lan… Các nhóm ý kiến về vấn đề nữ quyền được chia thành các quan điểm khác nhau. *Nhóm đầu tiên* là nhóm ủng hộ nữ quyền từ những trí thức có hiểu biết Hán học nhưng tiếp thu tư tưởng mới như Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng,… cho đến trí thức Tây học Phan Văn Trường, Cao Văn Chánh, hoặc là phụ nữ trí thức tiến bộ như Đạm Phương, Huỳnh Lan… Nhóm này ủng hộ phong trào nữ quyền, thừa nhận thuyết nam nữ bình đẳng là hợp với nhân đạo và công lý cũng như đánh giá học thuyết và phong tục Á Đông coi "*Nam tôn nữ ty, nam quý nữ tiện*" là sai lầm[4, tr.92].

Trong bài trả lời của báo *Phụ nữ Tân Văn,* bà Đạm Phương nữ sử[4] cho rằng trong cuộc vận động nữ quyền là phụ nữ hiện nay cần thực hiện ba vấn đề. Đó là: *"Khai đạo trí thức, nữ công thực nghiệp, phụ công chức nghiệp"*[4,tr139]. Sự bất bình đẳng với phụ nữ hiện vẫn tồn tại và chính vì vậy người phụ nữ muốn bình đẳng thì ngoài phận sự gia đình, cần mưu sự hạnh phúc chung cho xã hội (Theo *Báo Phụ nữ Tân Văn ngày 30/5/1929*).

Trên con đường đấu tranh đòi bình quyền nam nữ thì *"nữ học là quan trọng nhất"*.[4.tr 102]. Muốn tiến lên ngang bằng nam giới, phụ nữ cần phải tự học, tự khẳng định mình tức là phải *"Khai đạo trí thức"* cho phụ nữ .Việc học tập để vươn lên ngang tầm với đàn ông phải do phụ nữ tự nhận thức và thực hiện. Phụ nữ cũng cần vươn lên tham gia công tác ngoài xã hội, có *"chức nghiệp"* vì có quyền tự chủ tự chủ tài chính. Không sao nhãng thiên chức làm vợ, làm mẹ cũng cần thiết vì gia đình là giá trị được coi trọng ở phương Đông [4].

Nhóm thứ hai là nhóm theo phái ôn hòa trong việc ủng hộ nữ quyền mà đại diện là Phạm Quỳnh, ông đánh giá cao vai trò của phụ nữ trong gia đình và cho rằng phụ nữ có thể đóng góp cho xã hội thông qua vai trò làm mẹ và làm vợ.

Nhóm thứ ba là nhóm của những người phản đối nữ quyền như Bùi Quang Chiêu [5], Nguyễn Phan Long[6]. Những nhân vật trí thức Tây học này phản đối nữ quyền không phải vì họ không hiểu biết về khái niệm nữ quyền mà thái độ đối với nữ quyền và giải phóng phụ nữ phản ánh quan niệm và quyền lợi giai cấp của họ. Bùi Quang Chiêu cho rằng ở đời không có sự bình đẳng . Đối với phụ nữ, ông cho rằng không thể có quyền bình đẳng nam nữ thực sự , vì đàn bà không xốc vác được công việc như đàn ông. Theo ông, đàn bà kém vì tư cách của họ không phải lỗi của ai, vì vậy không nên đòi bình quyền [4].

Đây là những quan điểm cơ bản trong cuộc đấu tranh nữ quyền nửa đầu thế kỷ XX. Tuyên bố quan điểm về vấn đề phụ nữ, *Phụ nữ Tân Văn* đã đấu tranh cho nữ quyền và bình đẳng nam nữ theo quan điểm dân chủ phương Tây. Đó là phụ nữ có quyền bình đẳng về giáo dục và nghề nghiệp để tự chủ về kinh tế và tham gia hoạt động xã hội mặc dù vẫn thực hiện thiên chức làm mẹ và công

---

[1] Tờ Nữ giới chung là tờ báo riêng của phụ nữ đầu tiên ở Việt Nam xuất bản năm 1918, tồn tại được hơn 5 tháng. Chủ bút là Sương Nguyệt Anh

[2] Sương Nguyệt Anh tên thật là Nguyễn Xuân Khê (con gái của nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu) thừa hưởng từ cha lòng yêu nước và vốn Hán học.

[3] Bà Cao Thị Khanh và chồng là ông Nguyễn Đức Nhuận là thương gia kinh doanh tơ lụa trước khi làm báo. Bà đã lập Tòa soạn ở số 42 đường Catinat – Sài gòn (nay là đường Đồng Khởi- TP Hồ Chí Minh)

[4] Đạm phương nữ sử (1881-1947), tên thật là Tôn Nữ Đồng Canh, nhà báo, nhà hoạt động văn hoá, xã hội đầu thế kỷ XX, Hội trưởng hội Nữ công học hội Huế, cây bút đấu tranh vì nữ quyền, cộng tác với nhiều tờ báo nổi tiếng như Nam Phong, Hữu Thanh, Phụ nữ tân văn…

[5] Bùi Quang Chiêu là lãnh tụ Đảng Lập hiến, chủ bút báo Diễn Đàn Đông Dương tham gia tích cực trong phong trào đấu tranh đòi tự do dân chủ và tranh đấu cho Việt Nam hưởng quy chế tự trị.

[6] Nguyễn Phan Long chủ nhiệm báo Đuốc Nhà Nam